

DI SẢN VĂN HÓA: BẢO TỒN VÀ THỎA HIỆP *(Trường hợp di tích và lễ hội của người Kinh ở làng Vạn Vĩ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc)*

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHÂM

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, di sản văn hóa và vấn đề bảo tồn di sản văn hóa được nhắc tới rất nhiều trên khắp các phương tiện truyền thông, các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, các công trình nghiên cứu ở nhiều cấp độ khác nhau. Điều đó cho thấy sự quan tâm của cả xã hội đối với các di sản văn hóa. Tuy nhiên bảo tồn di sản thế nào là phù hợp? Nên can thiệp vào di sản tới đâu, can thiệp thế nào và ai có quyền trong việc can thiệp đó? Mối quan hệ giữa bảo tồn di sản và khai thác di sản phục vụ lợi ích kinh tế xã hội và văn hóa?,... Trong bài viết này chúng tôi sẽ không bàn luận quá sâu vào các vấn đề lý luận của bảo tồn di sản văn hóa mà sẽ giới thiệu một

hình thức bảo tồn di sản văn hóa tại một làng người Kinh ở Trung Quốc, đó là hình thức bảo tồn di sản văn hóa mang tính “xã hội hóa” rất cao và được thực hiện một cách chủ động bởi chính những chủ thể văn hóa. Với sự chú trọng đặc biệt tới di sản văn hóa (nhất là di tích và lễ hội), người Kinh ở đây đã nỗ lực rất nhiều trong việc tạo dựng một bức tranh di sản nhiều màu để khẳng định nét văn hóa đặc sắc của dân tộc mình trên đất Trung Quốc.

1. KHÁI QUÁT VỀ DI TÍCH VÀ LỄ HỘI Ở LÀNG VẠN VĨ

Vạn Vĩ là một làng thuộc trấn Giang Bình, thành phố Đông Hưng trực thuộc thành phố cảng Phòng Thành, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Vạn Vĩ cùng với hai làng Vu Đầu và Sơn Tâm gần đó tạo thành khu vực Tam Đảo (còn được gọi là Kinh Đảo) - nơi người Kinh (với tư cách là một dân tộc thiểu số của Trung Quốc) tập trung sinh sống đông nhất tại Trung Quốc. Người Kinh ở đây vốn quê gốc ở Đồ Sơn, Hải Phòng và một số tỉnh miền biển Bắc Trung Bộ và Đông Bắc di cư đến khu vực này từ cuối thế kỷ XVI. Theo số liệu gần đây nhất

Nguyễn Thị Phương Châm. Phó giáo sư, tiến sĩ Viện Nghiên cứu Văn hóa. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài *Văn hóa của cộng đồng Kinh tộc ở Kinh Đảo (Đông Hưng, Quảng Tây, Trung Quốc)* do tác giả làm Chủ nhiệm dưới sự tài trợ của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia Việt Nam – NAFOSTED (mã số 03-VH-NCNT-BC-TT). Xin được trân trọng cảm ơn Quỹ.

thì Vạn Vĩ có diện tích khoảng 14km², dân số khoảng 4.400 người⁽¹⁾. Vị trí của Vạn Vĩ hiện nay cách cửa khẩu Móng Cái-Đông Hưng 25km, cách thành phố Nam Ninh (thủ phủ của Quảng Tây) 180km.

Di tích nổi bật hiện nay của làng là ngôi đình đã được công nhận là di sản văn hóa cấp quốc gia năm 2006 và 7 ngôi miếu nằm rải rác trong làng. Đình làng Vạn Vĩ theo hồi ức của dân làng là ngôi đình đẹp và được xây dựng từ rất sớm cùng với việc định cư lập làng của người Kinh, song ngôi đình đã trải qua nhiều thăng trầm cùng với lịch sử làng, tới cuối những năm 50 (thế kỷ XX) đình bị phá hủy. Năm 1984 dân làng dựng lại đình trên nền đình cũ và thường xuyên tu sửa. Tới năm 2001 đình được xây mới lại hoàn toàn trên diện tích hơn 1.000m² và trở thành biểu tượng tín ngưỡng của làng. Đình làng Vạn Vĩ thờ 5 vị thần: Bạch Long trấn hải đại vương (thần chủ), Cao Sơn đại vương, Quảng Trạch đại vương, Đức thánh Trần, và thần Điểm Tước. Ngoài ra trong đình còn thờ vị anh hùng của dân tộc Kinh là Đỗ Quang Huy (có công tập hợp người Kinh và người Hán đánh Pháp ngay trên đất Vạn Vĩ, Giang Bình vào giữa thế kỷ XIX), thờ các vị tổ của 12 dòng họ đến Vạn Vĩ đầu tiên và thờ anh em Nguyễn Đại tướng quân là người có công dựng đình đầu tiên. Đình Vạn Vĩ được gọi là Kháp đình (đình hát) vì hoạt động ca hát rất đặc sắc và là hoạt động trọng tâm mỗi khi diễn ra lễ hội ở đây. Ngoài ngôi đình, Vạn Vĩ còn có 7 ngôi miếu: Miếu *Bản cảnh thành hoàng* thờ thổ thần; Miếu *Sáu vị châu Bà* thờ sáu vị đức châu Bà là Xuân Hoa công chúa, Mai Hoa công chúa, Vạn Hoa công chúa, Hải Ân công chúa, Kim Phong công chúa và Hải

Đăng công chúa; Miếu *Ông* (còn gọi là miếu Lục vị linh quan) trước đây thờ 6 vị thần, nhưng đến nay không người già nào trong làng còn nhớ được đầy đủ tên sáu vị thần, chỉ còn nhớ ba vị là đệ nhất, đệ nhị và đệ tam Long vương; Miếu *Bà* hướng mặt ra biển, thờ 4 vị chúa Mẹ là: Bạch Long hải đệ thánh tiên công chúa, Thủy Tinh công chúa, Vi Giang công chúa, Vi Châu công chúa; Miếu *Cao Sơn* thờ Cao sơn thượng đẳng thần; Miếu *Thị khẩu nam phương* và Miếu *Thị khẩu đông phương* hướng thẳng ra biển, thờ quan thị khẩu trấn giữ ở đầu đông và đầu nam của bãi biển.

Lễ hội đình hiện nay diễn ra từ ngày 9 đến 15 tháng 6 âm lịch hàng năm với 4 nghi lễ chính: *Nghinh thần*: vào sáng 9/6 với ý nghĩa là rước các vị thần về dự hội, 2 vị thần được rước về là thần biển (Trấn hải đại vương được rước về từ mặt biển) và thần núi (Cao sơn Đại vương được rước về từ miếu Cao Sơn); *Tế thần*: vào sáng 10/6 với ý nghĩa là dâng lễ vật tế thần; *Ngồi mâm*: thường diễn ra trong 2 ngày giữa hội với ý nghĩa là dân làng có bữa ăn cộng cảm giữa đình để tạ ơn các vị thần và gia tăng tính cố kết của cộng đồng làng. Vị trí ngồi mâm trong đình của mỗi trai đình trong làng được sắp xếp cẩn thận theo trật tự ngôi thứ; *Tổng thần*: vào buổi tối ngày cuối hội với ý nghĩa là cảm ơn các vị thần đã dự hội với dân làng và tiễn thần về lại thế giới của thần để dân làng kết thúc hội trở lại cuộc sống bình thường. Sau ngày lễ tổng thần là ngày Tân hạ dân làng cúng ở tất cả các miếu và chính thức kết thúc dịp hội. Trong suốt thời gian lễ hội, ca hát là hoạt động không thể thiếu trong các nghi lễ cũng như các hoạt động hội khác. Có thể

nói đình, miếu và hội làng Vạn Vĩ đã tạo ra không gian cho những trình diễn về văn hóa của cộng đồng người Kinh ở đây với rất nhiều các yếu tố liên quan như: các truyền thuyết về các nhân vật được thờ, lịch sử làng, văn nghệ dân gian, nghi lễ, lễ vật, ẩm thực, trang phục, ngôn ngữ (chữ Việt và chữ Hán Nôm), các bài cúng tế, các hình thức diễn xướng, các điệu múa, màu sắc, cách bài trí không gian thờ cúng, sắp đặt đội hình đám rước, thành phần tham dự lễ hội,...

Để có được tổng thể các yếu tố văn hóa thể hiện trong không gian của những di sản văn hóa hiện nay, cộng đồng người Kinh ở Vạn Vĩ đã trải qua một quá trình thực hiện liên tục và song song các công việc thu thập, khôi phục, bảo tồn, khai thác các di sản văn hóa của làng với tinh thần luôn luôn sáng tạo, làm mới. Trong quá trình đó dân làng đã huy động được sự tham gia đóng góp của nhiều thành phần xã hội khác nhau, ở các cấp độ khác nhau và họ tự hào về điều đó “làng tôi làm được chứ các làng khác thì khó” (lời ông Đình trưởng đình Vạn Vĩ, phỏng vấn ngày 10/10/2012).

Chăm lo việc bảo tồn di sản văn hóa ở Vạn Vĩ là Ủy ban đình vụ do dân làng bầu ra chuyên lo các công việc liên quan đến ngôi đình, hội đình cùng các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể khác trong làng. Đầu Ủy ban này là ông đình trưởng, tiếp đó là các ông phó đình trưởng, các vị đại diện cho các dòng họ lớn trong làng, các vị đội trưởng, các trí thức của làng và đại diện của các doanh nghiệp và những người làm công đức cho đình. Dân làng rất chú ý việc bầu chọn các thành viên trong Ủy ban này, họ thường chọn những người có tâm, có

nhật tình đối với các công việc làng, có kinh tế khá, có quan hệ xã hội rộng, có hoặc đã từng có chức vị cao, có khả năng ăn nói thuyết phục. Ủy ban này hoạt động rất tích cực theo tinh thần: “việc làng việc thần làm để lấy phúc đức” như lời ông phó đình trưởng chia sẻ vào dịp hội năm 2011. Ủy ban này thường xuyên có các cuộc họp để bàn bạc và phân công cụ thể về các công việc liên quan đến công tác bảo tồn các di sản văn hóa trong làng, đặc biệt là trước mỗi công việc lớn như hội đình, cúng lễ lớn, di chuyển miếu thờ,... Trong các cuộc họp bàn đó, Ủy ban luôn luôn xác định để bảo tồn di sản văn hóa của làng cần phải kêu gọi được nhiều người đóng góp, nhất là chính quyền, doanh nghiệp và đội ngũ những người làm văn hóa, lịch sử, du lịch,... Xác định như vậy nên Ủy ban luôn luôn có những chiến lược để huy động nguồn tài chính từ chính quyền cũng như các nhóm xã hội để bảo tồn và phát triển các di tích và lễ hội của làng quê mình.

2. CHIẾN LƯỢC “XÃ HỘI HÓA” CÔNG TÁC BẢO TỒN DI TÍCH VÀ LỄ HỘI

Ngay từ khi đình làng và các miếu thờ được dựng lại mới hoặc trùng tu lại, dân làng, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo và những người làm công việc liên quan đến đình đám và công tác văn hóa ở làng đã vận động chính quyền, các nhóm xã hội và các cá nhân phục hồi, gìn giữ và phát triển di tích và lễ hội của làng mình sau nhiều thăng trầm của lịch sử.

Trước hết lãnh đạo thôn/làng cùng những người trong Ủy ban đình vụ xác định rõ những điểm thuận lợi quan trọng, những thế mạnh của làng để làm điểm tựa cho chiến lược “xã hội hóa” này.

Thứ nhất, *tận dụng triệt để những chính sách đối với khu vực biên giới, hải đảo của Nhà nước*, như chiến lược “Hưng biên phú dân” của nhà nước Trung Quốc được khởi nguồn từ năm 1999 và chính thức đi vào hoạt động từ cuối những năm 2000 dành cho các khu vực biên giới có đông người dân tộc thiểu số sinh sống. Vạn Vĩ cùng với cả khu vực biên giới Đông Hưng của tỉnh Quảng Tây được hưởng chính sách này với sự đầu tư trọng điểm về cơ sở hạ tầng cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và du lịch; Chính sách hỗ trợ đặc biệt cho 28 dân tộc có số dân dưới 30 vạn của Chính phủ Trung Quốc thực hiện từ năm 2011, người Kinh ở Vạn Vĩ được hưởng chính sách này với những ưu đãi về mọi mặt, trong đó có các hoạt động văn hóa; Ngoài ra là hàng loạt các chính sách phát triển khu vực mật dịch tự do Trung Quốc-Việt Nam, ASEAN-Trung Quốc được triển khai từ những năm 2000 mà Vạn Vĩ là một trong những cửa ngõ quan trọng.

Thứ hai, *khai thác vai trò quan trọng của đội ngũ lãnh đạo và các trí thức của làng*, ví như ông Bí thư thôn Vạn Vĩ - Tô Minh Phương là đại biểu Quốc hội và có tiếng nói quan trọng với chính quyền địa phương về các vấn đề liên quan đến văn hóa dân tộc Kinh. Ngoài ra người Kinh ở Vạn Vĩ còn có nhiều người thành đạt đang làm cán bộ cấp cao trong các cơ quan nhà nước (như các ông ở các vị trí là Phó Giám đốc Đài Truyền hình Trung ương Bắc Kinh, Chủ nhiệm Ủy ban Tôn giáo, Chính hiệp tỉnh Quảng Tây, Phó Chủ nhiệm Quốc hội thành phố cảng Phòng Thành, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc thành phố cảng Phòng Thành,...) hoặc là các ông chủ doanh nghiệp phát đạt.

Thứ ba, *phát huy thế mạnh văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt trên đất Trung Quốc*, như hội đình, phong tục ca hát độc đáo, đàn bầu được coi là “Kinh tộc đặc hữu”, di sản chữ Nôm, lấy đó làm điểm nhấn trong việc khẳng định những nét văn hóa cần được bảo tồn.

Trên cơ sở của những sự thuận lợi này, Ủy ban đình vụ đã bàn bạc và thống nhất một chiến lược hành động cụ thể để huy động được nguồn kinh phí dồi dào nhất có thể từ chính quyền, các doanh nghiệp, các cá nhân cho các hoạt động bảo tồn các di sản văn hóa của làng, đặc biệt là di tích và lễ hội.

2.1. Tích cực sưu tầm, thu thập tư liệu, hệ thống hóa và văn bản hóa những ghi chép về lịch sử, các di tích, lễ hội, tín ngưỡng, phong tục tập quán, ngôn ngữ, lối sống, nghệ thuật, tri thức,... của dân tộc Kinh ở Vạn Vĩ với mục đích lấy đó làm cơ sở để kêu gọi, thu hút sự đầu tư cho các di sản văn hóa. Năm 2009, Trung tâm Truyền thừa Văn hóa chữ Nôm dân tộc Kinh được thành lập tại Vạn Vĩ trực thuộc Hội Văn nghệ Dân gian Quảng Tây chính là một bước quan trọng để hiện thực hóa mục đích trên. Với quan điểm cho rằng “mình phải làm tốt thì người ta mới nhìn vào đó mà hỗ trợ mình chứ, văn hóa của mình tốt nhưng không làm ra thì ai biết được” (lời ông Tô Duy Phương, Chủ nhiệm Trung tâm Truyền thừa Văn hóa chữ Nôm dân tộc Kinh), công việc này được thực hiện một cách nghiêm túc và có hiệu quả. Các vị Lãnh đạo Trung tâm, Ủy ban đình vụ và Lãnh đạo thôn thống nhất từng kế hoạch cụ thể cho các công việc như Hội làng sẽ làm gì, trình diễn các yếu tố văn hóa ra sao, xuất bản cuốn sách nào, trùng tu di tích ra sao,...

2.2. *Trên cơ sở biết rõ và có kế hoạch cụ thể với từng công việc, họ thuyết phục sự hỗ trợ từ chính quyền, các doanh nghiệp và các cá nhân có tiềm năng bằng nhiều cách khác nhau.* Với chính quyền, họ gặp trực tiếp các ban ngành liên quan ở trấn Giang Bình, thành phố Đông Hưng, thành phố cảng Phòng Thành để giới thiệu về nét đặc sắc của các di sản văn hóa ở làng và trình bày nhu cầu của dân làng đối với việc bảo tồn và tổ chức hoạt động văn hóa liên quan đến các di sản văn hóa nói chung, với di tích và lễ hội nói riêng. Sự thuyết phục của những người đại diện dân làng với chính quyền thường rất có tình có lý và đã được chuẩn bị trước. Họ biết đề đạt nguyện vọng trên cơ sở các chính sách hỗ trợ có thể có từ Chính phủ, biết nhấn mạnh vào ý nghĩa chính trị, lịch sử, văn hóa của việc bảo tồn di sản văn hóa ở làng, đồng thời cũng thể hiện sự nhiệt tâm và công tâm của những người thực thi các công việc liên quan đến các di sản và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ. Tất cả tạo ra niềm tin cho các cơ quan chính quyền để họ yên tâm với kinh phí hỗ trợ mà họ bỏ ra. Bên cạnh đó, những người đại diện dân làng cũng gặp gỡ và đề đạt nguyện vọng với những người Vạn Vĩ có vị trí trong chính quyền để họ hỗ trợ trực tiếp hoặc giới thiệu những địa chỉ khác có thể hỗ trợ được.

Với các doanh nghiệp và các cá nhân tiềm năng khác, Lãnh đạo làng và các thành viên trong Ủy ban đình vụ thường gặp gỡ trực tiếp và động viên họ tài trợ cho từng hoạt động cụ thể như tổ chức hội làng, tu sửa di tích, xuất bản sách, mở các lớp học chữ Nôm hay chữ Việt,... Các thành viên trong Ủy ban đình vụ và Lãnh đạo làng đều

là những người có quan hệ rộng trong đời thường cũng như trong công việc (cả công việc mà họ đã từng làm và công việc làm ăn hiện tại), nhiều người trong số họ hiện đang làm các công việc kinh doanh. Chính vì vậy mà họ có nhiều đối tác làm ăn từ nhiều địa phương khác hoặc có nhiều mối quan hệ quen biết với giới doanh nhân tại địa bàn và ở các thành phố lân cận. Khi làng có việc họ thường xuyên mời những doanh nhân này về làng tham dự và vận động tài trợ cho các hoạt động đó. Cũng theo cách làm tương tự như vậy, các thành viên Ủy ban đình vụ cũng thường xuyên gặp gỡ, trao đổi và hợp tác chặt chẽ với những người làng Vạn Vĩ hiện làm kinh doanh để nói họ quan tâm đến các di tích và lễ hội của làng, động viên họ rủ bạn bè cùng giới kinh doanh về tham dự việc làng để thấy được sự phát triển đẹp đẽ của văn hóa ở đây và sẵn lòng tài trợ để những nét đẹp ấy được duy trì và phát triển hơn nữa. Ngoài ra, Ủy ban đình vụ cũng không quên quan tâm tới một số doanh nghiệp, doanh nhân từ nhiều nơi khác đang làm ăn trên đất làng Vạn Vĩ như các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn, du lịch, buôn bán và nuôi hải sản, quán ăn,... luôn thông báo cho họ các công việc của làng, khuyến khích họ tham gia và hỗ trợ cho dân làng. Không chỉ đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân mà cả các cá nhân là người làng Vạn Vĩ cũng được động viên để đóng góp cho làng, ví như làng có một cán bộ làm trong ngành Hải Quan ở Chu Hải khá giàu có thường xuyên đóng góp cho việc trùng tu di tích và đầu tư vào lễ hội làng. Đặc biệt từ năm 2009 khi Trung tâm Truyền thừa Văn hóa chữ Nôm dân tộc Kinh được thành lập thì Ban Chủ nhiệm Trung tâm đã

mời những người có chức vụ cao trong chính quyền và những doanh nhân giàu có đứng ra làm cổ vấn cho Trung tâm, điều này rất thuận lợi cho Trung tâm trong việc huy động kinh phí cho các hoạt động.

2.3. Huy động sự đóng góp của dân làng và khách thập phương. Nguồn đóng góp thường xuyên của dân làng với một số khoản cố định theo suất đình hoặc theo hộ gia đình dù là không lớn nhưng được xem là nguồn thu ổn định và lâu dài cho các công việc liên quan tới di tích và lễ hội. Ví như vào dịp lễ hứa phúc (đầu năm), hoàn phúc (cuối năm) trong làng có lệ mỗi gia đình đều góp tiền cho làng cúng thần hay vào dịp hội làng mỗi suất đình trong làng cũng đóng góp tiền để mua sắm lễ vật,... Mức đóng góp tối thiểu được làng đưa ra dựa theo lệ từ các năm trước, thường chỉ là khoảng 10tệ/gia đình, song mức tối đa thì không qui định, mà động viên các gia đình và cá nhân tùy tâm đóng góp. Theo sự tìm hiểu của chúng tôi thì tâm lý người dân luôn muốn đóng góp hơn mức tối thiểu, vì thế trong những năm gần đây khi đời sống dân làng khá lên thì mức đóng góp cũng tăng lên. Ngoài người làng, nguồn thu từ khách thập phương cũng ngày càng được quan tâm. Ủy ban đình vụ cũng như dân làng ngày càng muốn tổ chức lễ hội lớn, muốn sửa chữa, đầu tư tốt hơn, khang trang hơn cho các di tích để thu hút khách thập phương. Mỗi dịp hội làng hay các dịp lễ tết, thậm chí là vào những ngày bình thường, Ủy ban đình vụ luôn sắp xếp người tiếp đón khách thập phương, giới thiệu về các di tích và tín ngưỡng của làng, hướng dẫn họ chu đáo trong việc tham quan và cả việc đóng góp hay tham gia vào các sinh hoạt tín ngưỡng ở làng.

2.4. Các thành viên trong Ủy ban đình vụ thường động viên bạn bè, đối tác làm ăn hay những người làng thành đạt tài trợ cho các hoạt động liên quan đến di tích và lễ hội làng bằng niềm tin tâm linh. Theo quan sát trực tiếp của chúng tôi thì lời động viên quen thuộc của họ thường là “hộ cho một ít để dân làng làm việc thần việc thánh thì mình cũng được phúc được đức, việc làm ăn, làm công của mình cũng phát đạt tốt đấy” như lời ông đình trưởng thường nói với bạn bè, đối tác làm kinh doanh. Hay như câu chuyện của ông Chủ nhiệm Trung tâm Truyền thừa Văn hóa chữ Nôm kể với chúng tôi việc ông đã động viên một ông chủ công ty thường xuyên đi lại làm ăn ở Vạn Vĩ tài trợ các bức tượng thờ trong đình thế nào. Ông đã nói với ông chủ đó rằng: “ông đến đây nhiều, đi lại làm buôn bán làm giàu mười mấy năm rồi, hộ dân làng làm tượng đi để mà thêm phúc lộc làm ăn chứ”, ông chủ đó đồng ý. Ông Chủ nhiệm nhắc nhở thêm: “ông hứa việc với thần thánh rồi thì ông phải làm đấy, không có sau này bị quấy quả gì thì ông vất vả đấy”. Những thành viên trong Ủy ban đình vụ cũng thường xuyên chia sẻ các câu chuyện về phúc đức, may mắn đến với họ cũng như những người đã chăm lo, tài trợ cho di tích, lễ hội phụng thờ thần thánh, như câu chuyện của chính vị Đình trưởng trong chuyến đi xa năm 2011 đã không gặp nguy hiểm gì khi chiếc xe đi ngay trước bị nạn nặng. Ông thấy rất may mắn và chia sẻ với nhiều người rằng do ông “làm việc đình đám cúng thần nên được phúc, được sự che chở của thần thánh nên không làm sao cả”. Có thể những điều này thực sự là niềm tin của người làng, không phải chỉ là lời nói để khuyến khích

tài trợ, song xét ở một phương diện khác thì điều này lại là chiến lược rất hiệu quả cho việc huy động tài trợ của Ủy ban đình vụ.

2.5. Công khai danh sách những người tài trợ và trân trọng dán danh sách đó ở đình, miếu để ai đến đó cũng được biết là người nào đã tài trợ bao nhiêu, danh sách được xếp theo thứ tự từ người đóng góp nhiều nhất xuống tới người đóng góp ít nhất. Những người có tên trong danh sách, nhất là những người ở vị trí cao thường rất tự hào giới thiệu với bạn bè hoặc khách thập phương về việc đóng góp của mình. Khi có khách thập phương tới thăm các di tích, những người trong Ủy ban đình vụ hoặc trực đình cũng thường xuyên giới thiệu với khách về danh sách đóng góp này. Đây là động lực hiệu quả cho những sự đóng góp mới.

2.6. Quảng bá rộng rãi về di sản văn hóa của làng bằng nhiều hình thức khác nhau. Lãnh đạo thôn cũng như Ủy ban đình vụ luôn khuyến khích người dân trong các ngày lễ hội mời nhiều bạn bè, đối tác tới dự. Về phía họ, họ cũng rất tích cực tận dụng các quan hệ công việc và quan hệ cá nhân để mời nhiều người trong các cấp chính quyền, những người có trách nhiệm cũng như có tâm với các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa, bạn bè, đối tác làm ăn và các doanh nghiệp tại địa phương tới dự. Một bộ phận không thể thiếu và rất được Lãnh đạo và Ủy ban đình vụ quan tâm, đó là báo chí, truyền hình và các nhà nghiên cứu. Theo sự quan sát thì có lẽ hiếm có nơi nào đội ngũ này lại được quan tâm và tạo điều kiện tác nghiệp thoải mái như ở Vạn Vĩ. Hội đình năm nào Ủy ban đình vụ

cũng phân công riêng một tổ phục vụ đội ngũ này cả về việc ăn ở và tác nghiệp của họ tại làng. Các nhà báo, nhà nghiên cứu có thể thoải mái quay phim, chụp ảnh trong ban thờ, bên cạnh kiệu rước thần, trước ban tế lễ, ngoài miếu, mộ, trong các gia đình hay xưởng sản xuất, ngoài bãi biển hay bếp của các nhà hàng, cũng có thể thoải mái phỏng vấn mọi người,... tất cả những việc đó đều không gặp phải sự kiêng kỵ hay phiền hà gì. Trong những năm nghiên cứu ở Vạn Vĩ chúng tôi cũng nhiều khi cảm thấy ngại vì mình làm phiền dân làng song họ vẫn rất vui vẻ với chúng tôi. Trong cuộc họp của Ủy ban đình vụ trước khi hội làng năm 2011, ông Đình trưởng cũng đã nhấn mạnh “hộ giúp người ta (phóng viên, nhà nghiên cứu-TG) cho người ta làm tốt việc, quay càng nhiều, buông (chiếu lên-TG) càng nhiều nơi càng tốt, khắp tiết làng mình càng được cả nước, cả toàn cầu biết tới, mỗi năm một đông vui, một đẹp đẽ”. Có lẽ sự đông vui nức tiếng trong lễ hội của làng cũng là một trong những sự trông đợi quan trọng của dân làng, vì điều đó không chỉ ghi nhận nét đẹp văn hóa của họ mà còn tạo ra những điều kiện rất thuận lợi về vật chất giúp họ duy trì và phát triển các di sản văn hóa đó.

3. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Với việc tích cực thực hiện hàng loạt các chiến lược xã hội hóa công tác bảo tồn các di sản văn hóa, trong đó nổi bật nhất là di tích và lễ hội, trong khoảng chục năm trở lại đây Vạn Vĩ đã đạt được những kết quả khả quan trong công tác này. Đình làng, các ngôi miếu đều có sự tu sửa, làm mới, thậm chí chuyển vị trí để được khang trang, đẹp đẽ hơn; các yếu tố văn hóa phi vật thể

và lễ hội đi cùng với các di tích đó cũng được đầu tư xứng đáng để tạo nên phần “hồn” quan trọng của các di tích.

Theo những người có trách nhiệm trong Ủy ban đình vụ thì những kết quả đạt được sau nỗ lực “xã hội hóa” công tác bảo tồn di tích và lễ hội ở Vạn Vĩ rõ rệt nhất là từ năm 2010 cho tới nay với sự tham gia ngày càng tích cực của Chính quyền các cấp, của doanh nghiệp, các cơ quan, các cá nhân. Trong tổng thể các di sản văn hóa của làng thì thu hút nhiều sự đóng góp nhất là lễ hội ở đình và các hoạt động liên quan. Có thể thấy rõ hơn điều này khi so sánh các con số mà ông Đình trưởng cung cấp: năm 2003 hội làng thu vào 2,8 vạn NDT, năm 2004 thu vào 5,1 vạn NDT chủ yếu từ nguồn đóng góp của dân làng và khách thập phương, năm 2008 Chính phủ hỗ trợ khoảng 2 vạn NDT và thu được từ dân khoảng 10 vạn NDT. Mức thu hút này lớn hơn rất nhiều vào năm 2010: Chính phủ tài trợ 3 vạn NDT cho làng tổ chức lễ hội, nhưng tiền công đức của các doanh nghiệp, dân làng và khách thập phương mới đáng kể hơn, với 5 vạn người tham gia lễ hội, và thu được là 28 vạn NDT. Ngoài ra, nếu tính cả những sự tài trợ của các doanh nghiệp, doanh nhân trong suốt cả năm thì con số này lên tới hơn 30 vạn NDT. Chẳng hạn, năm 2010 Cục Du lịch Đông Hưng tặng Vạn Vĩ hơn chục viên đá tảng có khắc các bức tranh mô tả một số sinh hoạt văn hóa của người dân như: kéo lưới, chơi đàn bầu, đám rước, cô gái Kinh tộc đội nón lá mặc áo dài,... trị giá khoảng hơn 2 vạn NDT hay một “ông chủ” người Quảng Đông có làm ăn buôn bán với Vạn Vĩ tặng 5 bức tượng 5 vị thần để thờ trong đình Vạn Vĩ trị giá 1,4 vạn NDT,... Năm

2011 do có lễ kỷ niệm 500 năm người Kinh định cư ở Vạn Vĩ nên Chính quyền thành phố cảng Phòng Thành đứng ra tổ chức lễ hội và Chính quyền đã hỗ trợ làng 6 vạn NDT. Với 6 vạn người tham gia lễ hội Vạn Vĩ năm 2011 (do ngày khai hội trùng vào ngày chủ nhật) số tiền công đức thu được là 27 vạn NDT chưa tính tới những sự hỗ trợ cho từng hoạt động cụ thể như: một doanh nhân người Trung Quốc cùng với một doanh nhân người Kinh ở Kinh Đảo đã tài trợ 2 vạn NDT để mời đoàn Quan họ Bắc Ninh sang biểu diễn trong lễ hội Vạn Vĩ. Năm 2012, mặc dù chính quyền không đứng ra tổ chức lễ hội đình Vạn Vĩ mà chỉ hỗ trợ khoảng 3 vạn NDT, song lễ hội năm 2012 vẫn thu được số tiền là 21 vạn tệ. Mọi hoạt động ngoài các nghi lễ chính thức của hội như năm trước vẫn được duy trì: “bữa ăn vạn người” (làm 200 bàn cho khoảng hơn 2.000 người dự hội ăn), mời các đoàn đến biểu diễn văn nghệ, mời các đoàn khách từ Trà Cổ, Móng Cái của Việt Nam và từ Quế Lâm, Nam Ninh, Phòng Thành tới dự hội,... Theo Ủy ban đình vụ thì làng không chi hết số tiền mà họ thu được trong dịp hội, mấy năm gần đây, năm nào cũng được dư khoảng 4-5 vạn NDT dù đã chi khá “mạnh tay”. Số tiền dư đó cùng với số tiền công đức rải rác quanh năm “dùng để nhang khói và lo các công việc ở đình và các di tích khác trong suốt cả năm” (lời ông Phó đình trưởng, phỏng vấn ngày 11/10/2012).

Không chỉ thu hút được sự hỗ trợ của chính quyền và các doanh nghiệp cùng khách thập phương trong dịp hội mà Vạn Vĩ còn nhận được nhiều sự hỗ trợ khác như: năm 2011-2012, Ủy ban Dân tộc thiếu số thành phố cảng Phòng Thành hỗ

trợ người Kinh ở Vạn Vĩ 50 vạn NDT để xây dựng cơ sở hạ tầng và Bảo tàng văn hóa dân tộc. Nhà ca hát của dân tộc Kinh cũng được hỗ trợ xây dựng ngay trong không gian đình bằng nguồn kinh phí hỗ trợ từ chính quyền và các doanh nhân (khoảng 4 vạn NDT). Chính quyền cũng đã tặng cho Vạn Vĩ 100 chiếc đàn bầu để những người chơi đàn bầu ở làng dạy cho con em họ và 1 chiếc đàn bầu cỡ lớn dài khoảng 6m để vừa trưng bày trong đình làng vừa biểu diễn. Một doanh nghiệp lớn đang xây khách sạn lớn nhất ở Kinh Đảo, ngay vị trí trung tâm của làng, đã hỗ trợ cho làng 38 vạn NDT và gần 20 vạn NDT nữa để xây lại hai ngôi miếu là miếu Ông và miếu Bà,...

Ngoài những kết quả kể trên, Trung tâm Truyền thừa Văn hóa chữ Nôm dân tộc Kinh trực thuộc Hội Văn nghệ Dân gian Quảng Tây, được thành lập năm 2009, đã rất nỗ lực trong việc “xã hội hóa” hoạt động của Trung tâm và nhận được rất nhiều sự hỗ trợ từ chính quyền, từ các doanh nghiệp, doanh nhân để duy trì hoạt động bảo tồn các di sản văn hóa, đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể tạo ra phần “hồn” sống động cho các di tích vật thể ở làng. Các thành viên chủ chốt trong Trung tâm này cũng giữ vai trò chủ chốt trong Ủy ban đình vụ ở Vạn Vĩ. Ngay khi thành lập năm 2009, Trung tâm đã nhận được nhiều sự hỗ trợ: Ủy ban Dân tộc thành phố cảng Phòng Thành cho 2.000 NDT để làm kinh phí thành lập Trung tâm, chính quyền thị trấn Giang Bình cho 3.000 NDT và thành phố Đông Hưng cho 5.000 NDT cho buổi ra mắt Trung tâm. Tiếp đó, năm 2010 Ủy ban Dân tộc tỉnh Quảng Tây cho 8.000 NDT, Cục Địa chính cho 5.000 NDT, Công

ty Khai thác kiến trúc Đức Thành (thành phố cảng Phòng Thành) hỗ trợ 2 vạn NDT. Năm 2011 Cục Văn hóa Thông tin thành phố Đông Hưng hỗ trợ 2 vạn NDT, chính quyền Giang Bình cũng đã phê duyệt cho Trung tâm 6 vạn NDT trong đó 2 vạn NDT để xây nơi làm việc chính thức cho Trung tâm, còn lại 4 vạn dùng cho các hoạt động của Trung tâm. Năm 2012 Thành ủy thành phố Phòng Thành cho 6.000 NDT, Phòng Cổ tịch (Khu tự trị Quảng Tây) cho 5.000 NDT, Phòng Lưu trữ Phòng Thành cho kinh phí hoạt động 6.000 NDT, Cơ quan Tài chính Đông Hưng tài trợ 4 vạn NDT,... Ngoài danh sách trên, Trung tâm còn nhận được rất nhiều tài trợ cá nhân và nhỏ lẻ khác. Số kinh phí trên được Trung tâm dùng cho các công việc: sưu tầm, ghi chép và xuất bản các di sản chữ Nôm của dân tộc Kinh (những bài hát, những truyện Nôm, những câu chuyện về lịch sử di dân của dân tộc Kinh, lịch sử và nguồn gốc các vị thần được thờ ở đình miếu trong làng...), mở các lớp dạy chữ Nôm, dạy ca hát, trưng bày thư pháp chữ Nôm, đi giao lưu học hỏi ở Việt Nam, dạy chữ Nôm và chữ Việt trong trường phổ thông,... Trong ngày hội đình thì Trung tâm lo việc chỉnh trang lại các câu đối trong đình; ghi lại các câu chuyện về vị tướng Đỗ Quang Huy và treo vào khung kính trang trọng trong đình; giới thiệu thơ ca, truyện Nôm bằng các thư pháp chữ Nôm trưng bày trong ngày hội, giới thiệu về lịch sử làng, lai lịch và công đức các vị thần được thờ cùng những nét đặc sắc trong văn hóa dân tộc Kinh như đàn bầu, ca hát, múa,... Hiện nay Trung tâm đã sưu tầm và ghi chép lại 25 đầu sách và đang có kế hoạch xin tài trợ để xuất bản vốn quý đó. Năm 2012 Trung tâm

đã xin được 6 vạn NDT từ Cục Truyền hình và Cục Văn hóa Thông tin Truyền hình Đông Hưng để xuất bản bộ sách *Tự sự ca dân tộc Kinh* và xin được nhiều tài trợ nhỏ từ các cá nhân khác. Cũng từ nguồn kinh phí tài trợ này mà các thành viên trong Trung tâm có điều kiện đi lại Việt Nam và các vùng ở Trung Quốc nhiều hơn để học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm tài liệu liên quan đến văn hóa của người Kinh khiến cho các kết quả đạt được của Trung tâm ngày càng có vị trí quan trọng, khẳng định những nét văn hóa đặc sắc của người Kinh và giới thiệu, quảng bá sâu rộng những nét văn hóa đó.

Lễ hội Vạn Vĩ cùng các di tích và văn hóa của làng càng ngày càng được nhiều người biết tới đúng như mong muốn của dân làng. Trong lễ hội năm 2011, có hơn 100 nhà báo và 5 đài truyền hình tới đưa tin và làm các chương trình về Hội làng, cũng có khoảng 100 nhà nghiên cứu đến từ nhiều nơi ở Trung Quốc (gồm cả Hongkong, Đài Loan) và từ Việt Nam có mặt tại Vạn Vĩ (khoảng 2/3 trong đó tham gia Hội thảo Văn hóa dân tộc Kinh do Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Học viện Khoa học Xã hội Quảng Tây tổ chức). Hội làng trong những năm 2010 hay 2012 không có được số lượng nhiều như vậy nhưng cũng luôn luôn có khoảng 40-50 nhà báo và nhà nghiên cứu tham dự. Chúng tôi cũng là thành viên tích cực có mặt trực tiếp và giới thiệu quảng bá cho nhiều nhà nghiên cứu, nhà báo để họ có mặt ở Vạn Vĩ.

Với các kết quả đạt được như trên, rõ ràng các chiến lược “xã hội hóa” mà dân làng Vạn Vĩ (trong đó đại diện là Lãnh đạo và Ủy ban đình vụ) thực hiện công tác bảo tồn

các di sản văn hóa tại làng đã phát huy hiệu quả. Người dân đều hân hoan vì “đình đám, miếu mạo, ca hát, văn hóa giờ đều đẹp đẽ, đông vui, đâu đâu cũng biết tới Kinh tộc ta ở đây, vui lắm” (cụ ông 76 tuổi, phỏng vấn ngày 10/10/2012), nhiều nét văn hóa của người Kinh được phục hồi và phát triển như: ngôn ngữ, văn học chữ Nôm, nghệ thuật hát múa, nghi lễ cúng ở đình, miếu,... Tuy nhiên đi cùng với sự “đẹp đẽ”, “đông vui” thì người dân Vạn Vĩ phải luôn thỏa hiệp với những sự thay đổi của các di sản văn hóa ở làng.

4. THỎA HIỆP VỚI NHỮNG SỰ THAY ĐỔI CỦA CÁC DI SẢN VĂN HÓA

Xét ở nhiều khía cạnh thì Vạn Vĩ đã đạt được mục đích “xã hội hóa” hoạt động bảo tồn di sản. Các di tích, lễ hội ở làng hiện nay đều trở nên khang trang, bề thế, nổi tiếng và thu hút được rất nhiều nguồn tài trợ khác nhau, hơn hẳn các di sản ở các làng người Kinh còn lại ở Kinh Đảo. Song không thể phủ nhận rằng từ khi được đầu tư nhiều thì di tích và lễ hội của làng đã có nhiều sự thay đổi, dù không phải khi nào cũng rõ ràng song nhiều dấu ấn quyền lực của chính quyền cũng như các doanh nghiệp, doanh nhân, những nhà tài trợ thể hiện trong di tích và lễ hội ở làng.

Ngày càng có nhiều các quan chức chính quyền, các doanh nghiệp, doanh nhân, nhà báo, nhà nghiên cứu và khách thập phương tới tham dự hội, tham quan các di tích và quan tâm tới những đặc trưng văn hóa của người Kinh ở làng đã tạo sức ép cho Lãnh đạo, Ủy ban đình vụ và dân làng luôn phải tổ chức lễ hội thật lớn, phải trình diễn ra các nét văn hóa hoành tráng để xứng tầm với di sản văn hóa cấp quốc gia,

xứng đáng với nguồn kinh phí tài trợ dồi dào mà làng nhận được. Thực chất việc chỉnh trang lại các di tích, trình diễn các yếu tố văn hóa hay tổ chức lễ hội lớn cũng là mong muốn của dân làng song tâm lý mỗi năm di tích và lễ hội phải có những điểm mới, phải tổ chức hoành hơn thực sự trở thành sức ép làm thay đổi diện mạo của di tích và lễ hội.

Việc xuất hiện 5 tượng thờ mang phong cách tượng Trung Quốc được đặt làm bởi người thợ Trung Quốc trên 5 ngai thờ 5 vị thần truyền thống trong đình đã làm thay đổi cơ bản diện mạo ngôi đình Việt. Việc di chuyển miếu Bà về cạnh miếu Ông và xây lại đẹp để cả hai ngôi miếu như hiện nay là kết quả của sự thỏa hiệp giữa làng với một doanh nghiệp xây khách sạn lớn trên khu đất có ngôi miếu Bà,... Việc mở ra “bữa ăn vạn người” từ hội năm 2009 đến nay để “làm đẹp lòng các quan khách” (lời của một thành viên Ban tổ chức lễ hội) về dự hội và khẳng định qui mô của lễ hội cũng đặt ra không ít vấn đề về vệ sinh, trật tự và sự chi tiêu “phóng tay” của Ban tổ chức lễ hội. Cũng để “đẹp lòng các quan khách”, lễ hội còn phải thay đổi cả lịch trình và thời gian hành lễ như lễ nghinh thần trong Hội năm 2011, đám rước phải đi từ đình ra sân khấu để dự lễ chào mừng với rất nhiều bài phát biểu của các quan chức rồi mới ra biển nghinh thần. Các quan chức tới muộn nên cả đám rước phải chờ đợi khá lâu (khoảng hơn 1 giờ). Một vị trí thức của làng hài hước nói rằng: “bây giờ hội khác rồi, thần phải chờ quan đến rồi mới được về dự hội với dân, thần cũng phải nghe quan đọc diễn văn đã rồi mới được đi chơi hội”. Việc cắt cử các quan chức vào dự lễ ngồi mâm cùng với dân làng cũng làm thay

đổi đáng kể phong tục này vì tục lệ ngồi mâm vốn chỉ dành riêng cho đàn ông trong làng tuổi từ 19 trở lên, một mâm chỉ ngồi 6 người, nhưng từ năm 2000 tới nay số lượng quan khách về dự rất đông nên mỗi mâm giờ có tới 8-10 người ngồi, trong đó có cả phụ nữ.

Sự tấp nập của các nhà báo, nhà nghiên cứu trong lễ hội một mặt tạo cho lễ hội một không khí thăng hoa, phần chấn khác ngày thường, nhưng mặt khác cũng mang tới lễ hội sự thiếu tự nhiên, nhiều khi gượng ép, người dân có tâm lý “diễn” hoặc thay đổi ít nhiều các hoạt động nghi lễ và hoạt động vui chơi để phù hợp với khách xem. Một cảnh tượng dường như đã quá quen với lễ hội Vạn Vĩ là cảnh đám rước đi giữa rừng máy ảnh, camera, ghi âm. Các phóng viên, nhà nghiên cứu chạy ngược chạy xuôi trước sau và hai bên đám rước rồi trèo lên cây, lên mái nhà,... để ghi được những hình ảnh đẹp về lễ hội. Nhiều khi họ (với trang phục thoải mái khi tác nghiệp) đứng ngay trước mặt hoặc bám cả tay vào kiệu rước thần, đứng dựa vào kiệu thần chụp ảnh, hay khi ở trong đình thì nhiều người với lên cả ngai thờ chụp ảnh hay đứng trước mặt vị chủ tế, ông mo khi họ đang hành lễ để chụp trực diện. Khách thập phương, khách du lịch cũng vậy, với đủ loại trang phục mùa hè thoải mái đi lại, chụp ảnh ở bất cứ góc nào trong đình. Tất cả những điều đó ít nhiều làm ảnh hưởng đến không khí linh thiêng của lễ hội. Cũng phải nói tới vai trò chủ động của Ủy ban đình vụ, của các trí thức Vạn Vĩ trong việc phục hồi và phát triển văn hóa. Trong quá trình đó họ đã để lại nhiều dấu ấn sáng tạo và làm mới các yếu tố văn hóa, ví như trong việc sưu tầm, ghi chép lại và văn bản

hóa những truyền thuyết, truyện nôm, những câu chuyện liên quan đến các vị thánh được thờ trong đình, những lời ca câu hát hay điệu múa chúc thần, trình tự và quá trình thực hiện các nghi lễ trong lễ hội, công trạng của những người đóng góp,... Nhiều khi họ đã sáng tạo thêm trên nền tảng những gì họ tiếp thu được từ truyền thống, ví như dựa trên hiểu biết về qui luật của sáng tác dân gian và với những bài mà họ không sưu tập được đầy đủ, họ đã bổ sung, chấp nối và sáng tạo thêm cho phong phú. Họ rất chịu khó kết hợp nguồn tài liệu sưu tầm trong dân gian và tài liệu sưu tầm từ những cuốn sách, công trình đã xuất bản để bổ sung, hoàn thiện hơn cho những sáng tác dân gian ở làng quê mình. Ví như họ đã tới Việt Nam để sưu tầm những truyện Nôm như *Tổng Trán Cúc Hoa*, *Phạm Tải Ngọc Hoa*, *Hoàng Trừu*,... để chấp nối cho đầy đủ các truyện này khi họ chỉ sưu tầm được những phần nào ở làng. Cũng tương tự như vậy, các nghi thức cúng tế ở đình cũng ngày càng được đội ngũ trí thức này bổ sung, hoàn thiện thông qua những hiểu biết của họ về trình tự lễ hội truyền thống của người Kinh ở Việt Nam, của người Hán, Choang ở Trung Quốc. Chính chúng tôi đã giúp họ khá nhiều trong việc sưu tầm tài liệu truyện Nôm, ghi chép trình tự nghi lễ trong lễ hội đình và các nghi lễ lịch tiết khác ở Việt Nam để họ tham khảo và “làm đầy đủ hơn các truyện và các lễ tiết của chúng tôi” như lời ông Đình trưởng nói khi gặp chúng tôi ở Hà Nội năm 2011. Họ cũng không ngần ngại đưa vào trong lễ hội những nét văn hóa mới, những sự sáng tạo mới của dân làng hiện tại. Chính vì vậy, có những lời ca câu hát, những phong tục

hay hoạt động chỉ vừa mới được đưa vào trong lễ hội vài năm trở lại đây (như múa sập đón quan khách trước khi bước lên sân khấu dự hội, trò chơi kéo co trên bãi biển,...). Nhiều yếu tố văn hóa mà dân làng trình diễn trong lễ hội được Ban tổ chức lễ hội giới thiệu như nét đặc sắc của văn hóa dân tộc Kinh thì thực ra đã mang màu sắc văn hóa Hán rất nhiều, ví như màu sắc sử dụng trong lễ hội có rất nhiều sắc đỏ, các điệu múa theo các bản nhạc của Trung Quốc, nhiều trang phục của đội rước cờ, đội rước kiệu, âm nhạc, rồi các món ăn, cách thức trình diễn văn nghệ,... cũng mang màu sắc Hán khá rõ.

Các thành viên của Trung tâm Truyền thừa Văn hóa chữ Nôm và Ủy ban đình vụ trong khoảng chục năm trở lại đây có kinh phí dồi dào để đi thăm thú các nơi ở Trung Quốc, Đài Loan, đặc biệt là Việt Nam. Qua mỗi chuyến đi như vậy, họ có dịp mở rộng giao lưu, học hỏi và khi quay trở về, họ đã thay đổi ít nhiều ngôi đình và các hoạt động lễ hội đình theo cách mà họ cho là tốt hơn, cần học tập. Ví dụ khi đến Vạn Ninh (Móng Cái) họ thấy ca hát ở đó rất phát triển nên họ đã mời các bà các cô hát giỏi ở Vạn Ninh sang dạy cho các bà các cô ở Vạn Vĩ để làm sao hát chúc thần ngày hội cho tốt và đúng bài bản như bên đó. Đến Hà Nội thấy nhạc cụ phục vụ lễ như phách, sênh tiền, đồ thờ cúng như nón, mũ, áo đẹp họ mua về để dùng và cũng tương tự như vậy khi họ đi các vùng khác của Trung Quốc, Hàn Quốc,...

Dân làng Vạn Vĩ mà đại diện là Ủy ban đình vụ và Trung tâm Truyền thừa Văn hóa chữ Nôm cũng nhiều lần thỏa hiệp với chính quyền các cấp khi họ muốn đưa lễ hội đình Vạn Vĩ và một số di sản văn hóa ở

đẩy ra khỏi không gian làng, trình diễn trong các hội chợ thương mại, ví như Hội chợ thương mại Đông Hưng năm 2010, Hội chợ thương mại Trung-Việt ở Đông Hưng cuối năm 2012. Dân làng khá là khó khăn để trưng bày thi pháp chữ Nôm, nghệ thuật ca hát dân gian và trình diễn lại đám rước cùng một số nghi thức trong lễ hội làng ở các hội chợ thương mại như vậy.

Như vậy, rõ ràng người dân Vạn Vĩ chấp nhận những sự thay đổi, luôn luôn thỏa hiệp và chủ động thỏa hiệp với những sự thay đổi đó để có được sự đẹp đẽ, khang trang, bề thế cho di tích và có được một “sân khấu” lễ hội lớn để thể hiện đa dạng văn hóa của mình, khẳng định vị thế của cộng đồng mình. Sự thỏa hiệp này được xây dựng trên cơ sở đồng tình chấp thuận và đôi bên cùng có lợi. Ví như, chính quyền thành phố cảng Phòng Thành mong muốn đầu tư cho lễ hội Vạn Vĩ thật lớn để thực hiện tốt chiến lược “hưng biên phú dân” (Nguyễn Văn Căn, 2009) và đưa lễ hội này trở thành nét văn hóa đặc sắc của thành phố. Mong muốn này của chính quyền rất phù hợp với tâm lý và nguyện vọng của dân làng Vạn Vĩ. Họ vốn là người Kinh di cư tới một đất nước khác và trở thành dân tộc thiểu số sống ở vùng biên giới, trong quá khứ đã rất vất vả nơi biển đảo “đầu sóng ngọn gió” để sinh tồn và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc mình. Vì vậy hiện tại khi cuộc sống đã ổn định trong sự giàu có và phát triển, họ có tâm lý khao khát khẳng định được bản sắc và tiếng Việt, duy trì văn hóa Việt và nguồn gốc Việt. Lễ hội ở làng đã có được những sự thỏa hiệp một cách dễ dàng khi nhu cầu của hai bên gặp nhau, những ông chủ làm ăn ở Vạn Vĩ mong muốn có được sự làm ăn lâu

dài và tốt đẹp với làng, còn dân làng thì cũng tạo điều kiện cho những ông chủ này trong việc làm ăn của họ tại làng. Sự xuất hiện của đông đảo các nhà báo, nhà nghiên cứu và khách thập phương trong lễ hội đình cũng phù hợp với tâm lý dân làng muốn tổ chức hội thật lớn để khắp nơi biết đến hội của mình và ngày hội trở thành dịp gặp gỡ, đoàn tụ, giao lưu, và đương nhiên là kéo theo sự phát triển các hình thức dịch vụ, thương mại, du lịch.

Một số dân làng không đồng tình với chiến lược “xã hội hóa” trong bảo tồn di sản văn hóa, thậm chí phản ứng với những thay đổi của di tích và lễ hội làng. Không thể không lo ngại rằng di tích và lễ hội Vạn Vĩ có nguy cơ trở thành “sân khấu” của những sự đầu tư vị thế, sự áp đặt quyền lực, sự phân chia lợi ích, sự chia rẽ và mâu thuẫn trong cộng đồng,... Nhưng nhìn chung xu hướng bảo tồn di sản văn hóa trong sự thỏa hiệp hay thỏa hiệp để có thể bảo tồn tốt hơn vẫn là xu hướng chủ đạo và được đông đảo dân chúng Vạn Vĩ đồng tình. Chiến lược “xã hội hóa” hoạt động bảo tồn di sản văn hóa ở Vạn Vĩ vừa mang lại những giá trị về văn hóa xã hội, phục vụ tốt cho các nhiệm vụ chính trị của địa phương, lại vừa mang lại những hiệu quả rõ rệt về mặt kinh tế, du lịch.

Nếu căn cứ theo mô hình bảo tồn di sản mà Ashworth (1997) đưa ra thì có thể xem mô hình bảo tồn di sản văn hóa ở Vạn Vĩ là bảo tồn phát triển, song các phương thức bảo tồn rất linh hoạt và không quan tâm nhiều tới tính chân xác của di sản, người dân sẵn sàng thay đổi, sẵn sàng thỏa hiệp nếu điều đó theo họ là có lợi cho di sản, làm đẹp hơn cho di sản và dân chúng phần khởi, làng xóm đông đúc, vui

về, khách du lịch tới nhiều. Như vậy, hình thức bảo tồn di sản văn hóa ở Vạn Vĩ có thể trở thành một ví dụ sống động cho những bàn luận về cách thức bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Số liệu do Ban Lãnh đạo làng Vạn Vĩ cung cấp tháng 7 năm 2011.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ashworth, G. J., 1997. *Elements of Planning and Managing Heritage Sites*, in Nuryanti, W., *Tourism and Heritage Management*, Gadjah Mada University Press.
2. Nguyễn Văn Căn. 2009. *Chiến lược “hưng biên phú dân” của Trung Quốc*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.
3. Nguyễn Thị Phương Châm. 2004. *Văn hóa truyền thống của người Kinh ở Vạn Vĩ trong quá trình giao lưu, biến đổi*. Tạp chí Văn hóa Dân gian, số 3/2004.
4. Nguyễn Thị Phương Châm. 2005. *Nghi lễ lịch tiết của người Kinh ở Vạn Vĩ (Quảng Tây, Trung Quốc)*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 1/2005.
5. Nguyễn Thị Phương Châm. 2006. *Truyền thống và biến đổi trong lễ hội của người Kinh ở Vạn Vĩ*, trong *Giá trị và tính đa dạng của Folklo châu Á trong quá trình hội nhập*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
6. “广西节日文化”, 莫风欣编, 香港天马图书有限公司, 2002 年版。Mạc Phong Hân. 2002. *Văn hóa lễ tiết Quảng Tây*. Hongkong: Công ty trách nhiệm hữu hạn Sách báo Thiên Mã.
7. Nguyễn Thị Hiền. 2012. *Thay đổi nhưng*

không tan biến, bổ sung và làm giàu: Nghiên cứu xuyên quốc gia và đa địa điểm về thực hành tín ngưỡng và lễ hội của cộng đồng người Kinh ở hải ngoại. Bài trình bày tại Hội thảo Việt Nam học lần thứ 4 (ngày 26-28/11/2012).

8. “当代广西简史”, 本书编写组编, 当代中国出版社, 2003 年版。Tổ biên soạn. 2003. *Giản sử Quảng Tây đương đại*. Nxb. Trung Quốc Đương đại.
9. Cheung Siu-woo. 2011. *The Shift of Symbolic Boundaries around Intangible Cultural Heritage: The Case of the Jing Minority's Hat Festival on the Sino-Vietnamese Border in Quangxi, China*. In *Intangible Cultural Heritage and Local Communities in East Asia*, edited by Liu Tik-sang. South China Research Center, Hong Kong University of Science and Technology; Hong Kong Heritage Museum.
10. Cheung Siu-woo. 2000. *Regional Development and Cross-Border Cultural Linkage: The Case of a Vietnamese Community in Quangxi, China*. In *Where China Meets Southeast Asia: Social&Cultural Change in the Border Regions*. Grant Evans, Christopher Hutton, Kuah Khun Eng eds. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
11. Vũ Hồng Thuật. 2012. *Thờ cúng Đức Thánh Trần ở Trung Quốc - Một tín ngưỡng độc đáo cổ kết cộng đồng người Kinh hải ngoại*. Bài trình bày tại Hội thảo Việt Nam học lần thứ 4 (ngày 26-28/11/2012).
12. Vũ Hồng Thuật. 2012. *Hội làng người Kinh thôn Sơn Tâm và chức năng xã hội của nó*. Bài trình bày tại Hội nghị Thông báo Văn hóa dân gian năm 2012, tại Viện Nghiên cứu Văn hóa.